

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 7/12/2023 của Chủ tịch UBND quận Nam Từ Liêm về việc phân công nhiệm vụ công tác của các thành viên UBND quận Nam Từ Liêm nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Văn bản số 152A/CV-MT ngày 22/8/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở "Trường trung học cơ sở TD School" và hồ sơ kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Trường trung học cơ sở TD School" đã chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 05/2024/CV-MT ngày 11/01/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 20/TTr-TNMT ngày 21/02/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô, địa chỉ trụ sở chính tại tầng 12 toà A3 Ecolife Capitol, số 58 Tô Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Trường trung học cơ sở TD School", địa chỉ hoạt động tại phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của Cơ sở:**

1.1. Tên Cơ sở: Trường trung học cơ sở TD School.



1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.3. Chủ đầu tư cơ sở: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô, mã số doanh nghiệp số: 0101590595, đăng ký lần đầu ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08/7/2021, được phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trường học.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

Cơ sở có vị trí tại phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Quy mô cơ sở:

\* Khối nhà chính:

- Tổng diện tích xây dựng là 2.657m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn phân nổi: 11.737m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn phân ngầm: 862m<sup>2</sup>.

- Số tầng: 01 tầng hầm + 04 tầng nổi + 01 tum thang

\* Nhà bảo vệ:

- Tổng diện tích sàn khoảng: 18m<sup>2</sup>

- Số tầng: 01 tầng

\* Quy mô số học sinh: 900 học sinh.

\* Tổng số số học sinh tại thời xin cấp Giấy phép môi trường: 30% so với thiết kế tương ứng 300 học sinh.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1,2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành

các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.


2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.


2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 19 tháng 3 năm 2024 đến ngày 19 tháng 3 năm 2034).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND phường Mỹ Trì tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. 

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND quận; (để b/cáo)
- PCT UBND quận Nguyễn Thanh Bình;
- Công Thông tin điện tử của UBND quận;  
(để đăng tải)
- UBND phường Mỹ Trì;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô;
- Lưu: VT, TNMT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



  
**Nguyễn Thanh Bình**





## Phụ lục 01

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép số **739**/GPMT-UBND ngày **19** tháng **3** năm 2024 của UBND quận Nam Từ Liêm)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động hàng ngày cán bộ, nhân viên, giáo viên và học sinh tại trường học
- Nguồn số 02: Nước thải từ bể bơi (khi xả kiệt)

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

#### 2.1. Dòng nước thải: 02 dòng nước thải

- Dòng nước thải số 01: Dòng nước thải từ nguồn số 01 qua hệ thống xử lý nước thải xả ra hệ thống thoát nước chung khu vực
- Dòng nước thải số 02: Dòng nước thải từ nguồn số 02 sau xử lý bằng hệ thống lọc nước bể bơi xả ra hệ thống thoát nước chung khu vực

#### 2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Hệ thống thoát nước chung trên đường nội bộ của Khu đô thị VOV Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Dòng nước thải số 02: Hệ thống thoát nước chung trên đường nội bộ của Khu đô thị VOV Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm.

#### 2.3. Vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Hệ thống thoát nước chung trên đường nội bộ của Khu đô thị VOV Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ ): X= 2322743; Y= 581271.
- Dòng nước thải số 02: Hệ thống thoát nước chung trên đường nội bộ của Khu đô thị VOV Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ ): X= 2322743; Y= 581271.

#### 2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Dòng nước thải số 01: Lưu lượng xả lớn nhất:  $80 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .
- Dòng nước thải số 02: Lưu lượng xả lớn nhất:  $440 \text{ m}^3/1\text{lần/năm}$

##### 2.4.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Tự chảy.
- Dòng nước thải số 02: Bơm cưỡng bức.

##### 2.4.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Liên tục
- Dòng nước thải số 02: Gián đoạn.

##### 2.4.3. Chất lượng nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (Cột B, hệ số  $K = 1$ ), cụ thể như sau:



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> )	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Coliform	MPN/100ml	5.000		

- Dòng nước thải số 02: Nước xả bể bơi sau khi qua hệ thống lọc bể bơi, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:20214/BTNMT, Cột B, C<sub>max</sub> = C cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép theo QCTĐHN02:2014/BTNMT (Cột B, C <sub>max</sub> = C)
1	PH	-	5,5-9
2	Màu	Pt/Co	150
3	Clo dư	Mg/l	2
4	Chất rắn lơ lửng	Mg/l	100
5	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ

thống thoát nước mưa.

- Nước thải từ xí, tiểu → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải
- Nước thải nhà bếp → Thiết bị tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải
- Nước thải từ chậu rửa, thoát sàn → Hệ thống xử lý nước thải

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ các nguồn khác nhau đã được xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể trung gian → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước chung.

- Công suất thiết kế: 80m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Ca(OCl)<sub>2</sub> sử dụng khoảng 4 kg/ngày.

Chất dinh dưỡng (rỉ mật) sử dụng khoảng 1,5-3 kg/ngày.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải bể bơi:

Nước bể bơi → Hệ thống lọc bể bơi (bình lọc cát, khử trùng bằng máy điện phân) → nguồn tiếp nhận.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời khi có sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Bảo trì máy móc, thiết bị của công trình xử lý nước thải theo hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải và ghi chép sổ nhật ký vận hành theo quy định.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của Hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí đầy đủ các thiết bị dự phòng (máy thổi khí, bơm nước, bơm định lượng...) đảm bảo sẵn sàng thay thế khi có sự cố thiết bị.

- Bố trí máy phát điện dự phòng để đề phòng sự cố mất điện.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, nước thải sau xử lý được chứa trong các bể/công trình chứa nước thải sự cố để xử lý lại, không xả ra môi trường tiếp nhận; rà soát, điều chỉnh lại quy trình vận hành đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải.

- Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đã khắc phục hoàn toàn sự cố, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu của Quy trình kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường.



## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ 29/02/2024 đến hết 30/4/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải trước xử lý tại bể thu gom nước thải và mẫu nước thải tại cửa xả sau hệ thống xử lý nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành Chủ đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm đối với nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các module xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.4.3 phần A phụ lục 1 này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.4.3 Phần A Phụ lục 1 này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục 1 này và phải ngừng ngay việc xả thải nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải của dự án.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.



## Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép số 739/GPMT-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của UBND quận Nam Từ Liêm)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Dòng khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ nguồn 01. Vị trí xả tại miệng ống thoát khí sau hệ thống xử lý. Tọa độ vị trí xả khí thải:

$$X = 2322778; Y = 580989$$

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiều  $3^0$ )*

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $1.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: sau khi xử lý được xả qua ống thải, xả liên tục 24/24 giờ.

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường:**

Khí thải từ nguồn thải số 01 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 01:2014/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (cột B,  $K_p=1,0$  và  $K_v=0,6$ ), QCVN 20:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac ( $\text{NH}_3$ )	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	$40^{(1)}$	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Hydro sunfua ( $\text{H}_2\text{S}$ )	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	$6^{(1)}$		
3	Metyl mercaptan ( $\text{CH}_3\text{SH}$ )	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	$15^{(2)}$		

**Ghi chú:**

- <sup>(1)</sup>: Giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT (cột B với hệ số

$K_p=1,0$  và  $K_v=0,6$ ).

- <sup>(2)</sup>: Giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Khí thải từ nguồn số 01 được thu gom về Hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải: Nguồn số 01

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, mùi → Đường ống → Quạt hút → Tháp xử lý → Ống thải → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 1.000m<sup>3</sup>/giờ

- Hóa chất, vật liệu xử lý: Than hoạt tính (khoảng 40kg/năm)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải; dự phòng máy móc thiết bị để thay thế khi hệ thống xử lý khí thải xuống cấp hoặc không có khả năng vận hành.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật để theo dõi quá trình vận hành của các hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình vận hành.

- Trường hợp khí thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, xác định nguyên nhân để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ 29/02/2024 đến hết 30/4/2024.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải từ nguồn số 01 có công suất thiết kế 1.000m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:



Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ đầu tư phải giám sát chất ô nhiễm có trong dòng khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại mục a thuộc 2.2.2 Phần A Phụ lục 2 này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục 2 này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải đảm bảo không xả khí thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Hệ thống xử lý khí thải.

3.2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi UBND quận Nam Từ Liêm trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày.

3.6. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3****ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép số **739** /GPMT-UBND ngày **19** tháng **3** năm 2024 của UBND quận Nam Từ Liêm)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải (máy thổi khí)
- Nguồn số 02: Từ máy điện dự phòng

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn ồn số 01: Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2322672; Y = 581230.
- Nguồn ồn số 02: Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2322656; Y = 581229.  
(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>)

**3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt (trường học)

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt (trường học)



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định.

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng riêng, lắp đặt vỏ cách âm, bộ cao su giảm chấn giữa động cơ và khung đế, bộ tiêu âm tại hướng gió ra và hướng gió vào.

- Đối với khu vực xử lý nước thải tập trung:

+ Áp dụng biện pháp đảo trộn trong bể điều hòa bằng máy khuấy trộn chìm để giảm thiểu tiếng ồn.

+ Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc, thiết bị và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (tra dầu mỡ, vệ sinh quạt).

+ Máy thổi khí được lựa chọn thiết bị có tốc độ vòng quay thấp (1.350-1.700 vòng/phút), có thiết bị giảm thanh đầu hút và đầu đẩy để giảm thiểu tối đa phát sinh tiếng ồn; máy thổi khí được lắp đặt trong phòng riêng, phòng có tường bao bằng gạch, sử dụng cửa cách âm, cách nhiệt, mái che có lắp đặt bổ sung lớp cách âm bằng vật liệu xốp hoặc sợi thủy tinh.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục 3 này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy định kỹ thuật môi trường quy định.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép số **739**/GPMT-UBND ngày **19** tháng **3** năm 2024  
của UBND quận Nam Từ Liêm)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Vật liệu lọc, giẻ lau, gang tay dính chất thải nguy hại	18 02 01	01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	02
3	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	05
4	Dầu thải	17 02 03	05
5	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	20
6	Bao bì kim loại thải	18 01 02	50
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	10
8	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	12
9	Hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	02
10	Than hoạt tính đã qua sử dụng	02 11 02	40
<b>Tổng</b>			<b>157</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh:

Bùn thải từ trạm xử lý nước thải khoảng: 474,5kg/năm

Dầu mỡ vớt từ bể tách mỡ khoảng: 144kg/năm.

Bùn thải từ bể tự hoại khoảng: 24,3 tấn/năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng: 11,23 tấn/tháng (134,76 tấn/năm).



## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chuyên dụng, có nắp đậy, dán nhãn và có dấu hiệu, màu sắc cảnh báo theo quy định.

#### **2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:**

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: Đặt kho chứa tại tầng hầm 1 khối nhà 4 tầng (gần nhà điều hành trạm xử lý nước thải), diện tích 14m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa:

+ Kho chứa được thiết kế sàn bê tông chống thấm, có tường bao quanh xây bằng gạch, có cửa, mái che kín.

+ Có biển chỉ dẫn, cảnh báo.

Kho phải tuân thủ theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Dán nhãn cảnh báo tên của từng loại CTNH; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo quy định hiện hành; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy). Kho lưu giữ CTNH phải đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn

#### **2.1.3. Biện pháp quản lý, xử lý:**

Chất thải nguy hại được phân loại theo từng mã chất thải, quản lý, lưu giữ tại Kho lưu chứa. Định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

#### **2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

Bùn thải được chứa tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải.

#### **2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:**

Bùn thải từ trạm xử lý nước thải chứa tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ thuê đơn vị chức năng thu gom và đem đi xử lý theo quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác chuyên dụng, có nắp đậy để thu gom theo đúng quy định.

Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

#### **2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:**

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m<sup>2</sup>, đặt tại tầng hầm 1 khối nhà 4 tầng.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kết cấu tường gạch, có mái che,



nền bê tông chống thấm đảm bảo theo quy định.

### **3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có:**

Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải và chất thải nguy hại.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 36 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Lắp đặt dự phòng các thiết bị động lực để bị hư hỏng (các loại bơm chìm, bơm định lượng, máy thổi khí,...) để sửa chữa, thay thế kịp thời khi gặp sự cố.

+ Khi gặp sự cố hỏng thiết bị dùng thiết bị đang sử dụng và sử dụng thiết bị đã được lắp đặt dự phòng. Thiết bị hỏng sẽ được sửa chữa kịp thời và lắp đặt tiếp tục sử dụng. Nếu trường hợp không xử lý được thì liên hệ với nhà sản xuất để tiến hành sửa chữa, bảo hành.

+ Thường xuyên kiểm tra các thiết bị trong hệ thống xử lý, bảo dưỡng định kỳ theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của các máy móc, thiết bị.

+ Cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải là cán bộ có chuyên môn, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố. Thực hiện đúng quy trình vận hành đã được ban hành.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

Thông gió diện tích tràn đổ hóa chất, cách ly mọi nguồn đánh lửa, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành xử lý, hấp thụ hóa chất tràn đổ bằng vật liệu trơ (ví dụ cát hoặc đất) sau đó đựng trong thùng chứa chất thải kín. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trong trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do hóa chất, dịch bệnh theo quy định của pháp luật hiện hành



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép số 739/GPMT-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024  
của UBND quận Nam Từ Liêm)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện xây dựng, vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy trình và tiến độ. Toàn bộ nước thải phát sinh tại Cơ sở phải được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT(cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải ra môi trường. Khí thải phát sinh phải được thu gom xử lý qua hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo đạt quy chuẩn Thủ đô QCTĐHN 01:2014/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT.

2. Thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Quản lý chất thải phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đảm bảo khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

4. Tiếng ồn phát sinh, độ rung phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, từ máy phát điện dự phòng, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN

27:2010/BTNMT (bảng 2- khu vực thông thường) về độ rung.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn thực phẩm và phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do Cơ sở gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

8. Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

9. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

10. Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.